

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 49

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đồng Tiến (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Đình Trường	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Trần Minh Công	Thành viên
Ông Bùi Văn Tiến	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Thuận	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Trâm Anh	Trưởng ban
Bà Lê Thị Quỳnh Thu	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Hồng Loan	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Ngọc Thuận	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Đức	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Mãnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tấn Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Ngọc Thuận	Giám đốc điều hành
Ông Chu Tiến Bình	Giám đốc điều hành

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Vũ Ngọc Thuận, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

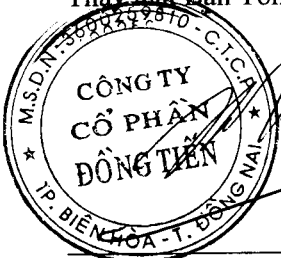
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính riêng; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



VŨ NGỌC THUẬN - Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đồng Tiến, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2017, từ trang 6 đến trang 49 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đồng Tiến tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi muốn lưu ý tới người đọc Báo cáo tài chính này rằng. Chúng tôi chỉ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đồng Tiến tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Báo cáo tài chính riêng chưa bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("tập đoàn") cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn, nhà đầu tư cần đọc Báo cáo tài chính hợp nhất mà Chúng tôi không được chỉ định kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán của Chúng tôi không đề cập đến vấn đề này.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VÕ THẾ HOÀNG – Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

NGUYỄN ĐỨC TẤN - Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2666-2013-037-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		583.688.799.332	421.976.559.945
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		186.730.223.402	88.802.704.021
Tiền	111	V.1	186.730.223.402	88.802.704.021
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	5.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		224.548.826.013	186.525.708.466
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	201.665.789.314	151.514.967.879
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.674.372.407	1.538.295.795
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	21.899.799.135	35.170.372.742
4. Dự phòng phải thu khó đòi	137	V.5	(1.697.927.950)	(1.697.927.950)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		6.793.107	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	141.076.633.859	109.794.257.297
1. Hàng tồn kho	141		141.591.899.818	109.991.818.296
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(515.265.959)	(197.560.999)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.333.116.058	31.853.890.161
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	208.636.652	597.560.953
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		26.815.086.236	31.256.329.208
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	4.309.393.170	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		158.911.293.980	96.706.440.447
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		540.600.000	468.600.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	540.600.000	468.600.000
II. Tài sản cố định	220		80.483.555.800	63.269.590.945
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	70.817.383.927	53.250.949.000
Nguyên giá	222		197.864.082.870	167.588.612.802
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(127.046.698.943)	(114.337.663.802)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	9.666.171.873	10.018.641.945
Nguyên giá	228		12.930.196.549	12.930.196.549
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.264.024.676)	(2.911.554.604)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		46.934.167.018	1.431.269.091
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	46.934.167.018	1.431.269.091
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	29.738.800.000	29.738.800.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		11.000.000.000	11.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		16.738.800.000	16.738.800.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.000.000.000	2.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.214.171.162	1.798.180.411
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	254.280.000	807.634.260
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	652.804.935	640.542.013
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		307.086.227	350.004.138
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		742.600.093.312	518.683.000.392

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		611.788.354.328	405.101.549.673
I. Nợ ngắn hạn	310		553.370.552.159	389.873.549.673
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	126.871.705.299	77.441.665.830
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	3.459.525.362	6.931.416.948
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	701.996.000	4.272.497.088
4. Phải trả người lao động	314		134.180.213.380	109.890.320.998
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	88.768.736	69.011.099
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	23.393.072.235	17.423.615.696
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	260.536.081.500	172.148.538.186
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	4.139.189.647	1.696.483.828
II. Nợ dài hạn	330		58.417.802.169	15.228.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	58.417.802.169	15.228.000.000
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		130.811.738.984	113.581.450.719
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	130.811.738.984	113.581.450.719
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		57.374.840.000	38.250.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>57.374.840.000</i>	<i>38.250.000.000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.828.370.007	30.066.324.332
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.608.528.977	45.265.126.387
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>45.265.126.387</i>	<i>34.341.998.319</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>11.343.402.590</i>	<i>10.923.128.068</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		742.600.093.312	518.683.000.392

Đồng Nai, ngày 23 tháng 3 năm 2017



VŨ NGỌC THUAN
Tổng Giám đốc

HỒ THỊ CÚC
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			2016	2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.399.272.688.223	1.189.632.542.313
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.399.272.688.223	1.189.632.542.313
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.203.593.809.788	1.009.747.692.923
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		195.678.878.435	179.884.849.390
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.794.150.657	19.867.164.604
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11.920.817.717	23.396.110.029
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.414.922.102	3.579.194.678
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	54.487.635.714	48.575.924.336
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	70.487.986.603	67.325.365.496
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		67.576.589.058	60.454.614.133
11. Thu nhập khác	31		6.064.216.551	36.638.515.570
12. Chi phí khác	32		-	32.261.763.288
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.7	6.064.216.551	4.376.752.282
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		73.640.805.609	64.831.366.415
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	14.784.211.780	15.029.287.770
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	(12.262.922)	(11.344.985)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		58.868.856.751	49.813.423.630
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	VI.9	10.260	13.023
19. Lãi suy giảm trên cổ phần	71	VI.9	10.260	13.023

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2017



VŨ NGỌC THUẬN
Tổng Giám đốc

HỒ THỊ CÚC
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

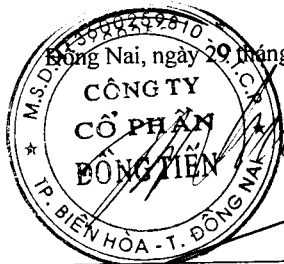
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.347.863.630.840	1.147.097.434.465
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	VII	(924.843.319.662)	(689.047.692.171)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(353.305.637.327)	(333.198.616.926)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	VII	(5.374.130.520)	(3.605.720.812)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(19.582.674.129)	(11.682.072.639)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		143.137.322.300	77.361.334.080
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(138.025.403.625)	(87.219.549.289)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		49.869.787.877	99.705.116.708
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21	VII	(75.614.512.378)	(35.631.989.356)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22		300.000.000	350.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.000.000.000)	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	21.151.573.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(138.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		61.959.240	401.240.667
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(70.252.553.138)	(23.867.175.689)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.081.423.755.461	726.548.339.766
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(943.720.353.211)	(698.281.074.097)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	(19.374.889.400)	(19.818.119.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		118.328.512.850	8.449.145.969
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		97.945.747.589	84.287.086.988
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		88.802.704.021	4.515.617.033
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(18.228.208)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		186.730.223.402	88.802.704.021



VŨ NGỌC THUẬN
Tổng Giám đốc

HỒ THỊ CÚC
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đồng Tiến (tên tiếng Anh là Dong Tien Joint – Stock Company, tên viết tắt là Dovitec) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000370 ngày 6 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp bổ sung các Giấy chứng nhận thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000370 thay đổi lần thứ 1 ngày 18 tháng 8 năm 2008, chuẩn y việc:
 - + Thay đổi địa điểm trụ sở chính từ “Số 10, Đường 5, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai” sang “Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai”;
 - + Bổ sung vốn điều lệ từ 17.000.000.000 VND lên 25.500.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600259810 thay đổi lần thứ 2 ngày 11 tháng 7 năm 2012, chuẩn y việc:
 - + Bổ sung vốn điều lệ từ 25.500.000.000 VND lên 38.250.000.000 VND;
 - + Bổ sung thông tin về chi nhánh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600259810 thay đổi lần thứ 3 ngày 21 tháng 9 năm 2016, chuẩn y việc:
 - + Bổ sung vốn điều lệ từ 38.250.000.000 VND lên 57.374.840.000 VND;
 - + Bổ sung thêm một số ngành nghề kinh doanh.

• **Vốn điều lệ** : 57.374.840.000 VND

Số cổ phần : 5.737.484 cổ phần

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phần

Cơ cấu vốn điều lệ

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	1.495.125	14.951.250.000	26,06%
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	Số 211 – 213, Quốc lộ 15, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	1.434.375	14.343.750.000	25,00%
Ông Vũ Ngọc Thuận	8/9, tổ 16, Khu phố 3, Phường Bửu Long, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	121.905	1.219.050.000	2,12%
Các cổ đông khác		2.686.079	26.860.790.000	46,82%

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ
Cộng		5.737.484	57.374.840.000	100%

• Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (061) 3 822 248

Fax : (061) 3 823 441

Mã số thuế : 3 6 0 0 2 5 9 8 1 0

Chi nhánh

Tên chi nhánh : Chi nhánh Công ty Cổ phần Đồng Tiến – Xí nghiệp may 4

Địa chỉ : Ấp Bình Lâm, Xã Lộc An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Mã số VPĐD : 3 6 0 0 2 5 9 8 1 0 – 0 0 3

2. Lĩnh vực, kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh hiện nay của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động sản xuất, kinh doanh chủ yếu của Công ty hiện nay: Sản xuất và bán buôn sản phẩm dệt may xuất khẩu và nội địa. Bán buôn máy móc thiết bị ngành may và thiết bị văn phòng. Kinh doanh nhà, cho thuê nhà xưởng, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư. Cho thuê xe có động cơ, máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc công ty

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 2 công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Công ty con

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình	Số 10 Phan Trung, Phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	44,90%	51%	Đầu tư xây dựng, kinh doanh kỹ thuật hạ tầng. Cho thuê và mua bán thiết bị, phương tiện vận tải

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	Lô số B1, Cụm Công nghiệp Phú Cường, xã Phú Cường, huyện Định Quán, Đồng Nai	48,57%	48,57%	May trang phục, thương mại, dịch vụ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	Số 10 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh	20,43%	20,43%	Kinh doanh bất động sản; bán buôn máy móc, thiết bị dùng trong công nghiệp và xây dựng

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 3.376 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 3.401 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là kỳ kế toán năm thứ 10 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Những người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng này kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“tập đoàn”) cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính riêng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phân chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính riêng. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính riêng, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính riêng của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính riêng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về bán thành phẩm, phải thu tiền phí gia công,...
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 10
Máy móc thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất tại khu công nghiệp Amata.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí liên quan trực tiếp đến chi phí xây dựng cơ bản các công trình chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới liên quan đến việc xây dựng Dự án công trình nhà xưởng và văn phòng công ty tại Khu công nghiệp Amata, xây dựng tổ hợp khu nhà cao tầng, xây dựng xí nghiệp 3 tại Trảng Bom và thi công hệ thống xử lý nước thải tại xí nghiệp 4 – Long Thành phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí thuê nhà xưởng, máy móc thiết bị.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ, các khoản tiền bên nhận ủy thác của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả tiền phạt, bồi thường, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính riêng. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

19. Lãi trên cổ phần

Lãi cơ bản trên cổ phần được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phần phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phần được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phần phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phần phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phần.

20. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Tiền mặt	117.660.252	69.890.899
Tiền gửi ngân hàng	186.612.563.150	88.732.813.122
Cộng	<u>186.730.223.402</u>	<u>88.802.704.021</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Công ty Desipro	174.289.594.024	121.522.483.025
Công ty TNHH Teijin Frontier Việt Nam	-	1.977.063.343
Công ty Itochu	4.945.298.817	2.808.997.462
Công ty Prominent	-	2.749.862.227
Công ty Kido Industrial Co.LT	9.360.020.198	7.877.208.794
Công ty TNHH may mặc SM	1.697.927.950	1.697.927.950
Công ty Tamurakoma	1.071.823.725	1.926.684.263
Công ty Teijin Frontier	6.688.325.188	9.296.971.438
Công ty Kaiser	1.537.804.109	488.365.310
Công ty Sumitomo(Sumitex)	1.294.546.274	-
Công ty CP Đầu tư và Thương mại TNG	609.236.455	-
Công ty TNHH Prex Vinh	-	731.054.004
Các khách hàng khác	171.212.574	438.350.063
Cộng	<u>201.665.789.314</u>	<u>151.514.967.879</u>
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
Công ty CP Đồng Phú Cường	3.850.000	328.539.558
Cộng	<u>3.850.000</u>	<u>328.539.558</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty TNHH Phi Sơn	186.914.000	-
Công Ty Luen Hing Textile	316.855.485	63.449.088
Công Ty Unitex International B	309.119.050	635.355.881
Công ty Bangkok Sgreen Co., Ltd	765.370.385	454.931.740
Công Ty Shei Chung Hsin Industrial Co., Ltd	358.592.808	-
Công ty Zhejiang YGM	109.959.243	199.798.714
Các nhà cung cấp khác	627.561.436	184.760.372
Cộng	<u>2.674.372.407</u>	<u>1.538.295.795</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Phải thu khác**

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	21.899.799.135	-	35.170.372.742	-
Tạm ứng	153.134.612	-	413.224.164	-
Phải thu khác	21.746.664.523	-	34.757.148.578	-
<i>Tiền thuế Thu nhập cá nhân</i>	-	-	1.570.951.860	-
<i>Công ty CP Đồng Phú Cường</i>	1.070.687.011	-	-	-
<i>Trung Tâm Phát Triển Quỹ Đất (Tràng Bom)</i>	1.936.755.301	-	2.095.896.000	-
<i>Công ty CP Đồng Phú Bình</i>	16.606.957.960	-	24.705.038.505	-
<i>Huỳnh Thị Hồng Loan</i>	495.000.000	-	495.000.000	-
<i>Khác</i>	1.637.264.251	-	5.890.262.213	-
b) Phải thu dài hạn khác	540.600.000	-	468.600.000	-
Ký quỹ, đặt cọc thuê tài chính	540.600.000	-	468.600.000	-
Cộng	22.440.399.135	-	35.638.972.742	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan				
<i>Công ty CP Đồng Phú Cường</i>	1.070.687.011	-	-	-
<i>Công ty CP Đồng Phú Bình</i>	16.606.957.960	-	24.705.038.505	-
Cộng	17.677.644.971	-	24.705.038.505	-

5. Nợ xấu

	31/12/2016			31/12/2015		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-	-	-	-
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Công ty TNHH May mặc SM</i>	1.697.927.950	-	1.697.927.950	1.697.927.950	-	1.697.927.950
Cộng	1.697.927.950	-	1.697.927.950	1.697.927.950	-	1.697.927.950

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	53.053.755.770	-	25.653.835.553	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	42.723.584.528	-	38.124.718.201	-
Thành phẩm	45.189.137.285	515.265.959	45.586.158.156	197.560.999
Hàng hóa	489.858.184	-	502.497.274	-
Hàng gửi đi bán	135.564.051	-	124.609.112	-
Cộng	141.591.899.818	515.265.959	109.991.818.296	197.560.999

7. Chi phí trả trước

	31/12/2016	31/12/2015
a) Ngắn hạn	208.636.652	597.560.953
Công cụ, dụng cụ	208.636.652	573.060.953
Chi phí khác	-	24.500.000
b) Dài hạn	254.280.000	807.634.260
Tiền thuê đất, thuê nhà xưởng và máy móc thiết bị	254.280.000	807.634.260
Cộng	462.916.652	1.405.195.213

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2016	28.796.316.712	121.163.945.925	15.232.218.643	2.396.131.522	167.588.612.802
Tăng trong năm	1.230.110.000	37.085.246.240	372.242.454	404.638.727	39.092.237.421
Mua sắm mới	1.230.110.000	35.407.113.260	372.242.454	404.638.727	37.414.104.441
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	723.780.000	-	-	723.780.000
Tăng khác (do iy thác nhập khẩu)	-	954.352.980	-	-	954.352.980
Giảm trong năm	-	8.741.826.508	-	74.940.845	8.816.767.353
Thanh lý, nhượng bán	-	7.787.473.528	-	74.940.845	7.862.414.373
Giảm khác (do iy thác nhập khẩu)	-	954.352.980	-	-	954.352.980
31/12/2016	30.026.426.712	149.507.365.657	15.604.461.097	2.725.829.404	197.864.082.870
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2016	22.546.909.514	84.300.967.660	5.273.055.332	2.216.731.296	114.337.663.802
Tăng trong năm	2.295.838.852	15.901.222.394	2.145.439.145	180.717.462	20.523.217.853
Khấu hao trong năm	2.295.838.852	15.901.222.394	2.145.439.145	180.717.462	20.523.217.853
Giảm trong năm	-	7.739.241.867	-	74.940.845	7.814.182.712
Thanh lý, nhượng bán	-	7.739.241.867	-	74.940.845	7.814.182.712
31/12/2016	24.842.748.366	92.462.948.187	7.418.494.477	2.322.507.913	127.046.698.943

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị còn lại	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
31/12/2015		6.249.407.198	36.862.978.265	9.959.163.311	179.400.226	53.250.949.000
31/12/2016		5.183.678.346	57.044.417.470	8.185.966.620	403.321.491	70.817.383.927
	Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:					
31/12/2015		15.841.356.989	56.205.055.404	2.180.206.098	2.061.163.346	76.287.781.837
31/12/2016		15.841.356.989	61.929.800.112	3.183.641.553	2.117.190.681	83.071.989.335
	Giá trị còn lại các tài sản thế chấp các khoản vay:					
31/12/2015		-	23.308.638.369	4.544.626.631	-	27.853.265.000
31/12/2016		-	23.833.815.186	3.553.817.656	-	27.387.632.842

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số V.19, Công ty đã thế chấp máy móc thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tương ứng là 12.395.685.799 VND và 0 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 9.069.826.338 VND và 111.492.799 VND) để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai.

Ngoài ra, Công ty còn thế chấp máy móc thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tương ứng là 11.438.129.387 VND và 3.553.817.656 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 14.238.812.031 VND và 4.433.133.832 VND) để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Itochu Textile Prominent (Asia) Limited.

9. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
01/01/2016	12.930.196.549	12.930.196.549
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
31/12/2016	12.930.196.549	12.930.196.549
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2016	2.911.554.604	2.911.554.604
Tăng trong năm	352.470.072	352.470.072
<i>Khấu hao trong năm</i>	352.470.072	352.470.072
Giảm trong năm	-	-
31/12/2016	3.264.024.676	3.264.024.676
Giá trị còn lại		
31/12/2015	10.018.641.945	10.018.641.945
31/12/2016	9.666.171.873	9.666.171.873

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	31/12/2015
Xây dựng cơ bản		
Dự án đầu tư công trình nhà xưởng + Văn phòng Công ty (tại Khu công nghiệp Amata)	45.772.836.609	36.363.637
Chi phí tư vấn xây dựng tổ hợp khu nhà cao tầng Phan Trung	631.090.909	331.090.909
Chi phí vẽ thiết kế xây dựng Xí nghiệp 3 - Trảng Bom	28.694.046	18.360.000
Chi phí thi công hệ thống xử lý nước thải Xí nghiệp 4 - Long Thành	501.545.454	454.545.454
Chi phí thi công hệ thống xử lý nước thải Xí nghiệp 3 - Trảng Bom	-	590.909.091
Cộng	46.934.167.018	1.431.269.091

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào các công ty con (a)	11.000.000.000	-	11.000.000.000	-
Đầu tư vào các công ty liên kết (b)	16.738.800.000	-	16.738.800.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (c)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Cộng	29.738.800.000	-	29.738.800.000	-

a) Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty con	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	31/12/2016		01/01/2016	
			Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình	Số 10 Phan Trung, Phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Đầu tư xây dựng, kinh doanh kỹ thuật hạ tầng. Cho thuê và mua bán thiết bị, phương tiện vận tải	44,90%	11.000.000.000	-	11.000.000.000
Cộng				11.000.000.000	-	11.000.000.000

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình với giá trị vốn góp là 11.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 44,90% vốn điều lệ của công ty, đồng thời nắm giữ 51% quyền biểu quyết. Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000559 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 6 năm 2008 với tổng vốn điều lệ là 25.000.000.000 VND. Trong kỳ, Công ty không ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến khoản lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh từ Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình do công ty này đang kinh doanh lỗ, tuy nhiên do giá trị tài sản thuần lớn hơn số vốn thực góp nên không trích lập dự phòng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên các công ty liên kết	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	31/12/2016		01/01/2016					
			Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Đông Phú Cường	Lô số B1, Cụm Công nghiệp Phú Cường, xã Phú Cường, huyện Định Quán, Đồng Nai	Máy trang phục, thương mại, dịch vụ	48,57%	10.200.000.000		10.200.000.000	48,57%	10.200.000.000		10.200.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng (tjb)	Số 10 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	Xây dựng công trình dân dụng, công trình kỹ thuật, bán buôn máy móc, thiết bị dùng trong công nghiệp và xây dựng	20,43%	6.538.800.000		6.538.800.000	20,43%	6.538.800.000		6.538.800.000
Cộng				16.738.800.000		16.738.800.000		16.738.800.000		16.738.800.000

(ib) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đông Phú Cường với giá trị vốn góp là 10.200.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 48,57% vốn điều lệ và 48,57% quyền biểu quyết của công ty này. Công ty Cổ phần Đông Phú Cường hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3602943800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 15 tháng 10 năm 2012 với tổng vốn điều lệ là 20.000.000.000 VND. Trong kỳ, Công ty chưa ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến khoản lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh từ Công ty Cổ phần Đông Phú Cường do chưa nhận được thông báo chia cổ tức từ công ty này.

(iib) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng với giá trị vốn góp là 6.538.800.000 VND, chiếm tỷ lệ 20,43% vốn điều lệ và 20,43% quyền biểu quyết của công ty này. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002366 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 6 năm 2004 với tổng vốn điều lệ là 32.000.000.000 VND. Trong kỳ, Công ty không ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến khoản lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình Thắng do công ty này đang kinh doanh lỗ, tuy nhiên do giá trị tài sản thuần lớn hơn số vốn thực góp nên không trích lập dự phòng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty con	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	31/12/2016			01/01/2016				
			Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Nguyễn phụ liệu Dệt may Bình An	Khu phố 1, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh	Sản xuất và mua bán phụ liệu ngành dệt may	1,8%	2.000.000.000	-	2.000.000.000	1,8%	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Cộng				2.000.000.000	-	2.000.000.000		2.000.000.000	-	2.000.000.000

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Nguyễn phụ liệu Dệt may Bình An với giá trị vốn góp là 2.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 1,8% vốn điều lệ của công ty này. Công ty Cổ phần Nguyễn phụ liệu Dệt may Bình An hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002131 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 3 năm 2004 với tổng vốn điều lệ là 111.000.000 VND. Trong kỳ, Công ty chưa ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính liên quan đến khoản lợi nhuận hoạt động sản xuất, kinh doanh từ Công ty Cổ phần Nguyễn phụ liệu Dệt may Bình An do chưa nhận được thông báo chia cổ tức từ công ty này.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được xác định như sau:

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết cũng chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng hợp nhất thì giá trị hợp lý của khoản đầu tư là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Thuế thu nhập hoãn lại

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và kỳ kế toán trước.

	Khấu hao TSCĐ (Quyền sử dụng đất)	Cộng
01/01/2015	629.197.028	629.197.028
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trước	11.344.985	11.344.985
31/12/2015	640.542.013	640.542.013
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm nay	12.262.922	12.262.922
31/12/2016	652.804.935	652.804.935

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đồng Phú Cường	43.075.152.789	43.075.152.789	12.310.999.315	12.310.999.315
Công Ty TNHH Nanu Sài Gòn	9.167.275.638	9.167.275.638	-	-
Công ty TNHH -MTV CK XD Huy Hoàng	5.368.273.636	5.368.273.636	-	-
Công ty Shinih (Việt Nam)	2.683.678.421	2.683.678.421	2.267.514.891	2.267.514.891
Công ty Phong Phú	4.119.064.355	4.119.064.355	5.350.479.842	5.350.479.842
Công ty YKK	7.463.837.165	7.463.837.165	4.837.427.274	4.837.427.274
Công ty Mainetti Việt Nam	4.765.542.082	4.765.542.082	3.841.394.385	3.841.394.385
Công ty TNHH Việt Phú	2.581.841.687	2.581.841.687	2.407.902.961	2.407.902.961
Công Ty TNHH MTV Dệt Vinh Phát	5.295.886.638	5.295.886.638	6.295.349.078	6.295.349.078
Công ty TNHH Moririn Việt Nam	2.199.365.254	2.199.365.254	1.638.062.087	1.638.062.087
Công ty TNHH Avery Dennison	6.885.001.147	6.885.001.147	6.591.664.514	6.591.664.514
Doanh nghiệp tư nhân Liên Châu	3.368.914.575	3.368.914.575	2.114.697.257	2.114.697.257
Nhà cung cấp khác	29.897.871.912	29.897.871.912	29.786.174.226	29.786.174.226
Cộng	126.871.705.299	126.871.705.299	77.441.665.830	77.441.665.830
Phải trả người bán là các bên liên quan				
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	18.661.102	18.661.102	-	-
Công ty CP Đồng Phú Cường	43.075.152.789	43.075.152.789	12.310.999.315	12.310.999.315
Cộng	43.093.813.891	43.093.813.891	12.310.999.315	12.310.999.315

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016	31/12/2015
Công ty Prominent	95.179.988	-
Công ty Prominent Spain (TG)	8.919.878	1.968.437.978
Công ty Tamurakoma	986.032.500	986.032.500
Công ty Tamurakoma (TG1)	2.144.735.347	1.658.988.375
Công ty KTC Trading	221.766.966	2.317.217.244
Các khách hàng khác	2.890.683	740.851
Cộng	3.459.525.362	6.931.416.948

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2016
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.327.074.418	2.327.074.418	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	215.083.916	215.083.916	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	2.004.004.653	14.784.211.780	19.582.674.129	(2.794.457.696)
Thuế thu nhập cá nhân	2.268.492.435	7.914.442.097	10.995.874.006	(812.939.474)
<i>Thuế thu nhập cá nhân (*)</i>	<i>1.791.713.139</i>	<i>6.601.187.741</i>	<i>9.907.836.354</i>	<i>(1.514.935.474)</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân - đầu tư vốn</i>	<i>280.800.000</i>	<i>701.996.000</i>	<i>280.800.000</i>	<i>701.996.000</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên</i>	<i>195.979.296</i>	<i>611.258.356</i>	<i>807.237.652</i>	-
Các loại thuế khác	-	2.273.352.815	2.273.352.815	-
<i>Thuế môn bài</i>	-	<i>5.000.000</i>	<i>5.000.000</i>	-
<i>Thuế nhà thầu</i>	-	<i>1.485.849</i>	<i>1.485.849</i>	-
<i>Thuế đất</i>	-	<i>2.266.866.966</i>	<i>2.266.866.966</i>	-
Cộng	4.272.497.088	27.514.165.026	35.394.059.284	(3.607.397.170)

Trình bày trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	4.309.393.170
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.272.497.088	701.996.000

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10% đối với hàng bán trong nước và 0% đối với hàng xuất khẩu

- **Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo Thông báo của Hải quan.

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo quy định hiện hành.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Chi phí lãi vay phải trả	33.768.736	19.011.099
Chi phí dịch vụ kiểm toán	55.000.000	50.000.000
Cộng	<u>88.768.736</u>	<u>69.011.099</u>

17. Phải trả khác

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Phải trả ngắn hạn khác		
BHXXH	492.177.168	-
Phải trả cổ tức cá nhân	478.127.400	656.092.800
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	7.171.875.000	2.868.750.000
Tổng Công ty CP May Việt Tiến	7.475.625.000	2.990.250.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	6.182.255.194	10.182.255.194
Các khoản phải trả khác	1.593.012.473	726.267.702
Cộng	<u>23.393.072.235</u>	<u>17.423.615.696</u>

Phải trả khác là các bên liên quan

Tổng Công ty CP May Việt Tiến	7.475.625.000	2.990.250.000
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	7.171.875.000	2.868.750.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	6.182.255.194	10.182.255.194
Cộng	<u>20.829.755.194</u>	<u>16.041.255.194</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Tại 01/01	1.696.483.828	3.744.288.187
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	12.951.148.486	10.958.953.199
Tăng/ (giảm) khác trong năm	(1.349.455.318)	1.949.996.352
Chi quỹ trong năm	(9.158.987.349)	(14.956.753.910)
Tại 31/12	<u>4.139.189.647</u>	<u>1.696.483.828</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Trong năm				01/01/2016	
	31/12/2016	Tăng	Giảm	Giá trị	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	260.536.081.500	1.028.179.788.533	939.792.245.219	172.148.538.186	172.148.538.186	172.148.538.186
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	250.227.581.900	1.017.871.288.933	939.792.245.219	172.148.538.186	172.148.538.186	172.148.538.186
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (i)	82.000.471.100	432.664.292.998	420.247.055.898	69.583.234.000	69.583.234.000	69.583.234.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (ii)	168.227.110.800	585.206.995.935	485.762.498.335	68.782.613.200	68.782.613.200	68.782.613.200
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đồng Nai	-	-	16.009.711.200	16.009.711.200	16.009.711.200	16.009.711.200
Ngân hàng TMCP VIB - Chi nhánh Đồng Nai	-	-	17.772.979.786	17.772.979.786	17.772.979.786	17.772.979.786
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	10.308.499.600	10.308.499.600	-	-	-	-
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	1.304.499.600	1.304.499.600	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	1.304.499.600	1.304.499.600	-	-	-	-
Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân đến hạn trả	9.004.000.000	9.004.000.000	-	-	-	-
Itochu Textile Prominent (Asia) Limited	4.558.000.000	4.558.000.000	-	-	-	-
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	4.446.000.000	4.446.000.000	-	-	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	58.417.802.169	58.417.802.169	68.730.301.769	25.540.499.600	15.228.000.000	15.228.000.000
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>5.652.922.760</i>	<i>5.652.922.760</i>	<i>6.957.422.360</i>	<i>1.304.499.600</i>	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai(iii)	5.652.922.760	5.652.922.760	6.957.422.360	1.304.499.600	-	-
<i>Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân</i>	<i>52.764.879.409</i>	<i>52.764.879.409</i>	<i>61.772.879.409</i>	<i>24.236.000.000</i>	<i>15.228.000.000</i>	<i>15.228.000.000</i>
Itochu Textile Prominent (Asia) Limited (iv)	18.232.000.000	18.232.000.000	22.794.000.000	9.070.000.000	4.508.000.000	4.508.000.000
Quý Dầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (v)	34.532.879.409	34.532.879.409	38.978.879.409	15.166.000.000	10.720.000.000	10.720.000.000
Tổng cộng	318.953.883.669	318.953.883.669	1.096.910.090.302	965.332.744.819	187.376.538.186	187.376.538.186

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn chi tiết như sau:

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 2016039/HDCV/KHDN ngày 27 tháng 6 năm 2016 (kèm theo Hợp đồng cấp tín dụng số 2016039/KHDN/NHNT ngày 27 tháng 6 năm 2016) với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích vay để tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn của Hợp đồng vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này nhưng không vượt quá ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất điều chỉnh theo Thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Số dư nợ vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 3.598.090,00 USD tương đương 82.000.471.100 VND (số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 3.087.100,00 USD tương đương 69.583.234.000 VND).

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai được đảm bảo bằng các tài sản như sau:

- (1) Thế chấp máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2014021/HĐBĐ/NHNT ngày 18/8/2014 (Xem Thuyết minh số V.8);
 (2) Thế chấp máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 201602/HĐBĐ/NHNT ngày 25/01/2016 (Xem Thuyết minh số V.8);

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(3) Thẻ chấp Phương tiện vận tải theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2014022/HĐBĐ/NHNT ngày 18/8/2014 (Xem Thuyết minh số V.8);

(4) Thẻ chấp quyền góp vốn theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2011017/HĐBĐ/NHNT ngày 8/7/2011

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01.84.8024/2016-HĐTDHM/NHCT680-DOVITEC ngày 10/11/2016 với hạn mức vay là 190.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Hạn mức tín dụng được sử dụng chung cho các hình thức: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn của Hợp đồng vay là kể từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2017 và 6 tháng cho từng khoản vay cụ thể. Khoản vay này chịu lãi suất được quy định trong từng Giấy nhận nợ và được điều chỉnh mỗi tháng 1 lần theo Thông báo của Ngân hàng (được tính: Lãi suất cho vay = Lãi suất cơ sở (+) 3,5%/năm). Số dư nợ vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 7.384.860,00 USD tương đương 168.227.110.800 VND (số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 3.051.580,00 USD tương đương 68.782.613.200 VND).

(iii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng số 2016.003/TL/KHDN ngày 25/01/2016 với hạn mức là 419.776,00 USD (tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của phương án), thời hạn của Hợp đồng tín dụng là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay này là phương án đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Khoản vay này chịu lãi suất năm đầu tiên cố định trong kỳ hạn 1 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên (3,5%/năm), lãi suất các năm tiếp theo được tính bằng (=) Lãi suất Libor có kỳ 6 tháng cộng (+) với mức biên (margin, được Ngân hàng thông báo). Thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được trả hàng quý kể từ sau thời gian ân hạn tính cho từng khoản vay và số tiền lãi được trả vào ngày 26 hàng tháng. Đối với các khoản vay đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, Công ty sử dụng các máy móc thiết bị được hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 2016.02/HĐBĐ/NHNT ngày 25/01/2016 có giá trị 13.465.814.400 VND để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số V.8).

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2016		31/12/2015	
	Vay USD	Quy đổi VND	Vay USD	Quy đổi VND
Trong vòng 1 năm	57.240	1.304.499.600	-	-
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	248.044	5.652.922.760	-	-
Cộng	305.284	6.957.422.360	-	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(57.240)	(1.304.499.600)	-	-
Số phải trả sau 12 tháng	248.044	5.652.922.760	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(iv) Vay dài hạn Itochu Textile Prominent (Asia) Limited tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo Hợp đồng vay ngày 20/10/2016 với hạn mức là 1.000.000 USD. Thời hạn của Hợp đồng vay là 5 năm với mức lãi suất 1,75%/năm. Mục đích của khoản vay này là mua trang thiết bị cho nhà máy của công ty. Số tiền vay và số tiền lãi được trả hàng quý kể từ ngày 31/01/2017. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là máy móc thiết bị theo Thỏa thuận thế chấp 20/10/2016 có giá trị 1.000.657,88 USD (xem *Thuyết minh số V.8*).

Khoản vay dài hạn Itochu Textile Prominent (Asia) Limited được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

	31/12/2016		31/12/2015	
	Vay USD		Vay USD	
	USD	Quy đổi VND	USD	Quy đổi VND
Trong vòng 1 năm	200.000	4.558.000.000	-	-
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	800.000	18.232.000.000	-	-
Cộng	1.000.000	22.790.000.000	-	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(200.000)	(4.558.000.000)	-	-
Số phải trả sau 12 tháng	800.000	18.232.000.000	-	-

(v) Khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Đồng Nai tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo Hợp đồng vay số 06/2016/HĐTD-TD ngày 27 tháng 6 năm 2016 với hạn mức là 80.000.000.000 VND. Thời hạn của Hợp đồng vay là 10 năm với mức lãi suất 7%/năm. Mục đích của khoản vay này là đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu để di dời trụ sở tại Khu công nghiệp Amata. Thời gian ân hạn là 12 tháng. Số tiền vay được trả hàng tháng là 741.000.000 VND, bắt đầu từ tháng 7 năm 2017 kèm theo số tiền lãi. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư số 30/2016/HĐTC-TD ngày 27/6/2016.

Khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Đồng Nai được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

	31/12/2016		31/12/2015	
	Vay VND		Vay VND	
Trong vòng 1 năm	4.446.000.000	-	-	-
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	34.532.879.409	-	-	-
Cộng	38.978.879.409	-	-	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(4.446.000.000)	-	-	-
Số phải trả sau 12 tháng	34.532.879.409	-	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu****Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm và năm trước**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2015	38.250.000.000	25.084.981.969	34.341.998.319	97.676.980.288
Lợi nhuận trong năm	-	-	49.813.423.630	49.813.423.630
Trích lập các quỹ	-	4.981.342.363	(15.940.295.562)	(10.958.953.199)
Chia cổ tức	-	-	(22.950.000.000)	(22.950.000.000)
31/12/2015	38.250.000.000	30.066.324.332	45.265.126.387	113.581.450.719
01/01/2016	38.250.000.000	30.066.324.332	45.265.126.387	113.581.450.719
Lợi nhuận trong năm	-	-	58.868.856.751	58.868.856.751
Tăng vốn trong năm từ Quỹ đầu tư phát triển	19.124.840.000	(19.124.840.000)	-	-
Trích lập các quỹ	-	5.886.885.675	(18.838.034.161)	(12.951.148.486)
Chia cổ tức (*)	-	-	(28.687.420.000)	(28.687.420.000)
31/12/2016	57.374.840.000	16.828.370.007	56.608.528.977	130.811.738.984

(*) Trong năm, Công ty tạm chia cổ tức cho các cổ đông với tỷ lệ 50%/vốn góp (5.000 VND/cổ phần) theo Quyết định số 05/HĐQT-QĐ ngày 8/12/2016.

Công ty trích lập Quỹ phúc lợi và Quỹ đầu tư phát triển theo tỷ lệ tương ứng là 15% và 10% lợi nhuận sau thuế theo Điều lệ của Công ty; trích lập Quỹ khen thưởng theo tỷ lệ 7% lợi nhuận sau thuế được quy định trong Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 ngày 31/5/2008.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600259810 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/9/2016, vốn điều lệ của Công ty là 57.374.840.000 VND đã được các cổ đông góp đủ đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 với cơ cấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số
3600259810 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày
21/9/2016

Tên cổ đông	Vốn góp thực tế		
	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ (%)
Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	1.434.375	14.343.750.000	25,00%
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	1.495.125	14.951.250.000	26,06%
Ông Vũ Ngọc Thuận	121.905	1.219.050.000	2,12%
Các cổ đông khác	2.686.079	26.860.790.000	46,82%
Cộng	5.737.484	57.374.840.000	100%

Cổ phần

	31/12/2016	31/12/2015
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	5.737.484	3.825.000
Số lượng cổ phần đã chào bán ra công chúng	5.737.484	3.825.000
<i>Cổ phần phổ thông</i>	5.737.484	3.825.000
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
<i>Cổ phần phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	5.737.484	3.825.000
<i>Cổ phần phổ thông</i>	5.737.484	3.825.000
<i>Cổ phần ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Đô la Mỹ	USD	7.894.999,55	3.632.299,21

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu

	<u>2016</u>	<u>2015</u>
Doanh thu bán hàng hóa	26.532.163.385	166.171.935.733
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.372.740.524.838	1.023.460.606.580
Cộng	1.399.272.688.223	1.189.632.542.313

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng hóa	948.019.411	1.964.195.447
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.202.645.790.377	1.007.783.497.476
Cộng	1.203.593.809.788	1.009.747.692.923

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	249.630.473	616.300.119
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.544.520.184	19.150.864.485
Cổ tức, lợi nhuận được chia (Công ty CP Nguyên vật liệu Dệt may Bình An)	-	100.000.000
Cộng	8.794.150.657	19.867.164.604

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	5.414.922.102	3.579.194.678
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.800.790.198	19.026.485.989
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	705.105.417	790.429.362
Cộng	11.920.817.717	23.396.110.029

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	138.216.807	172.620.295
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	43.463.610.166	35.125.568.921
Chi phí dịch vụ mua ngoài	617.020.930	541.910.254
Chi phí bằng tiền khác	10.268.787.811	12.735.824.866
Cộng	54.487.635.714	48.575.924.336

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>2016</u>	<u>2015</u>
Chi phí nhân viên quản lý	49.099.766.370	47.382.668.523
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	2.101.670.914	2.493.051.575
Chi phí khấu hao	2.165.407.489	1.468.863.848
Thuế, phí và lệ phí	2.776.723.754	2.564.384.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	990.297.207	1.130.583.634
Chi phí bằng tiền khác	13.354.120.869	12.285.813.461
Cộng	<u>70.487.986.603</u>	<u>67.325.365.496</u>

7. Lợi nhuận khác

Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	305.561.066	1.069.381.817
Lãi thanh lý, nhượng bán phế liệu	313.843.200	786.119.720
Thu nhập cho thuê tài sản	5.131.028.898	2.424.482.421
Chuyển nhượng dự án cụm CN Phú Cường	-	32.258.496.162
Thu nhập khác	313.783.387	100.035.450
Thu nhập khác	<u>6.064.216.551</u>	<u>36.638.515.570</u>
Chuyển nhượng dự án cụm CN Phú Cường	-	32.258.496.162
Các khoản bị phạt, truy thu thuế	-	2.922.998
Chi phí khác	-	344.128
Chi phí khác	<u>-</u>	<u>32.261.763.288</u>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	<u>6.064.216.551</u>	<u>4.376.752.282</u>

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	73.640.805.609	64.831.366.415
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế	280.253.290	3.483.577.993
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.970.868.788	3.583.577.993
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(2.690.615.498)	(100.000.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	73.921.058.899	68.314.944.408
Thuế suất áp dụng	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>14.784.211.780</u>	<u>15.029.287.770</u>

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

9. Lãi trên cổ phần

Việc tính toán lãi trên cổ phần cơ bản và lãi trên cổ phần suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

a) Lãi cơ bản trên cổ phần

	2016	2015
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	58.868.856.751	49.813.423.630
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	58.868.856.751	49.813.423.630
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phần	5.737.484	3.825.000
Lãi cơ bản trên cổ phần	10.260	13.023

b) Lãi suy giảm trên cổ phần

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	58.868.856.751	49.813.423.630
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phần phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phần	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	58.868.856.751	49.813.423.630
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phần	5.737.484	3.825.000
Số lượng cổ phần phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phần bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	5.737.484	3.825.000
Lãi suy giảm trên cổ phần	10.260	13.023

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	402.957.096.924	401.367.796.643
Chi phí nhân viên	417.267.874.256	410.444.643.906
Chi phí khấu hao	20.875.687.925	16.134.730.144
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.212.024.781	9.325.828.939
Chi phí bằng tiền khác	481.458.593.675	280.606.157.001
Cộng	1.332.771.277.561	1.117.879.156.633

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>2016</u>	<u>2015</u>
Chi phí lãi vay phải trả	33.768.736	19.011.099
Cổ tức phải trả	15.125.627.400	6.515.092.800
Lãi cho vay phải thu	187.671.233	554.038.889
Phải trả tiền mua sắm tài sản	<u>8.995.168.954</u>	<u>5.028.287.605</u>

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong năm	19.011.099	37.722.444
Cổ tức phải trả năm trước đã trả trong năm	6.515.092.800	3.944.812.500
Lãi cho vay phải thu năm trước đã thu năm nay	554.038.889	-
Tiền mua sắm tài sản nợ năm trước trả trong năm nay	<u>5.028.287.605</u>	<u>-</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết vốn đầu tư

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết vốn đầu tư trọng yếu như sau:

- Công ty ký hợp đồng thực hiện dự án đầu tư công trình nhà xưởng và văn phòng công ty tại Khu công nghiệp Amata với Công ty TNHH MTV CK XD Huy Hoàng theo Hợp đồng số 18/HĐKT – 2016 ngày 25/4/2016 với trị giá chưa thuế VAT là 71.194.525.000 VND (thuế VAT 10%). Công ty đã thực hiện đầu tư xây dựng đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm tại ngày 31/12/2016 là 45.772.836.609 VND, công ty sẽ tiếp tục thực hiện đầu tư vốn trong tương lai để hoàn thành dự án với trị giá còn lại của dự toán là 25.421.688.391 VND.
- Công ty ký hợp đồng thực hiện dự án thi công hệ thống xử lý nước thải tại Xí nghiệp 4 – Long Thành với Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghiệp Tấn Lộc theo Hợp đồng số 39/2015/HĐKT ngày 8/8/2015 với trị giá chưa thuế VAT là 527.820.000 VND (thuế VAT 10%). Công ty đã thực hiện đầu tư xây dựng đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm tại ngày 31/12/2016 là 501.545.454 VND, công ty sẽ tiếp tục thực hiện đầu tư vốn trong tương lai để hoàn thành dự án với trị giá còn lại của dự toán là 26.274.546 VND.
- Công ty thực hiện đầu tư góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình (Công ty con) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000559 ngày 23 tháng 6 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp với tổng số vốn góp là 12.750.000.000 VND (tương đương 1.275.000 cổ phần phổ thông). Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm ngày 31/12/2016, công ty đã thực hiện việc góp vốn với số tiền góp vốn là 11.000.000.000 VND, công ty sẽ tiếp tục đầu tư góp vốn cho Công ty Cổ phần Đồng Phú Bình trong tương lai với số vốn góp còn lại là 1.750.000.000 VND.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến

Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai

Ông Vũ Ngọc Thuận

Công ty CP Đồng Phú Bình

Công ty CP Đồng Phú Cường

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bình Thắng

Mối quan hệ

Cổ đông

Cổ đông

Cổ đông, Tổng Giám đốc

Công ty con

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>2016</u>	<u>2015</u>
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Bán hàng	831.755.546	-
Mua hàng	479.823.729	47.646.591
Chia cổ tức	7.475.625.000	2.990.250.000
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai		
Vay ngắn hạn	4.446.000.000	-
Vay dài hạn	38.978.879.409	-
Chia cổ tức	7.171.875.000	2.868.750.000
Ông Vũ Ngọc Thuận		
Chia cổ tức	609.525.000	243.810.000
Công ty CP Đồng Phú Bình		
Chi phí cụm khu công nghiệp Phú Cường	1.950.014.455	33.258.496.162
Công ty CP Đồng Phú Cường		
Bán hàng	70.227.300	556.984.529
Cho thuê máy móc thiết bị	5.131.028.898	2.424.482.421
Lãi vay phải thu	187.671.233	554.038.889
Tiền điện	-	62.945.660
Phí xuất, nhập hàng	4.545.342.708	-
Phí gia công	360.791.200.492	188.591.264.178
Mua thành phẩm	19.769.091	-
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm 31/12/2016, số dư giữa Công ty với các bên liên quan như sau:		
	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Mua hàng	18.661.102	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Phải trả tiền cổ tức	7.475.625.000	2.990.250.000
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai		
Vay ngắn hạn	4.446.000.000	-
Vay dài hạn	34.532.879.409	10.720.000.000
Phải trả tiền cổ tức	7.171.875.000	2.868.750.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Bình Thắng		
Phí tư vấn, giám sát, xây dựng kỹ thuật hạ tầng	6.182.255.194	10.182.255.194
Công ty CP Đồng Phú Bình		
Phải thu phí cụm khu công nghiệp Phú Cường	16.606.957.960	24.705.038.505
Công ty CP Đồng Phú Cường		
Phải thu tiền hàng	3.850.000	328.539.558
Phải trả tiền phí gia công	43.075.152.789	12.310.999.315
Phải thu phí xuất, nhập hàng	1.070.687.011	-

Thu nhập của Ban điều hành, quản lý và Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Ban điều hành, quản lý và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm như sau:

	<u>2016</u>	<u>2015</u>
Tiền lương, thưởng	16.069.423.211	14.106.408.381
Cộng	<u>16.069.423.211</u>	<u>14.106.408.381</u>

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.19 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc chủ sở hữu (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>31/12/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
Các khoản vay	318.953.883.669	187.376.538.186
Trừ: Tiền	(186.730.223.402)	(88.802.704.021)
Nợ thuần	132.223.660.267	98.573.834.165
Vốn chủ sở hữu	130.811.738.984	113.581.450.719
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>101%</u>	<u>87%</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền	186.730.223.402	186.730.223.402	88.802.704.021	88.802.704.021
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải thu khách hàng	199.967.861.364	199.967.861.364	149.817.039.929	149.817.039.929
Phải thu khác	22.287.264.523	22.287.264.523	35.225.748.578	35.225.748.578
Cộng	408.985.349.289	408.985.349.289	278.845.492.528	278.845.492.528
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	126.871.705.299	126.871.705.299	77.441.665.830	77.441.665.830
Chi phí phải trả	88.768.736	88.768.736	69.011.099	69.011.099
Phải trả khác	22.900.895.067	22.900.895.067	17.423.615.696	17.423.615.696
Các khoản vay	318.953.883.669	318.953.883.669	187.376.538.186	187.376.538.186
Cộng	468.815.252.771	468.815.252.771	282.310.830.811	282.310.830.811

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự thay đổi về giá của hàng hóa, nguyên vật liệu mua vào.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty chuyên sản xuất hàng may mặc bán trong nước và xuất khẩu; máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh chủ yếu là nhập khẩu; vốn lưu động của Công ty phần lớn là vốn vay ngoại tệ...do đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá trên thị trường.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ (USD) tại thời điểm cuối kỳ như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2016		31/12/2015	
	USD	Quy đổi VND	USD	Quy đổi VND
Tài sản	16.700.255,20	379.102.921.455	10.260.834,75	229.952.508.464
Phải trả	12.250.143,08	279.168.843.366	8.114.072,95	182.876.696.623
Tài sản (nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	4.450.112,12	99.934.078.089	2.146.761,80	47.075.811.841

Tỷ lệ thay đổi được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của USD so với VND tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm/tăng 4.996.703.904 VND (năm 2015: 2.353.790.592 VND).

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay ngắn hạn và dài hạn chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu của khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2016				
Tài sản tài chính				
Tiền	186.730.223.402	-	-	186.730.223.402
Phải thu khách hàng	199.967.861.364	-	-	199.967.861.364
Phải thu khác	21.746.664.523	540.600.000	-	22.287.264.523
Cộng	408.444.749.289	540.600.000	-	408.985.349.289
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	126.871.705.299	-	-	126.871.705.299
Chi phí phải trả	88.768.736	-	-	88.768.736
Phải trả khác	22.900.895.067	-	-	22.900.895.067
Các khoản vay	260.536.081.500	58.417.802.169	-	318.953.883.669
Cộng	410.397.450.602	58.417.802.169	-	468.815.252.771
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.952.701.313)	(57.877.202.169)	-	(59.829.903.482)
31/12/2015				
Tài sản tài chính				
Tiền	88.802.704.021	-	-	88.802.704.021

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Phải thu của khách hàng	149.817.039.929	-	-	149.817.039.929
Phải thu khác	34.757.148.578	468.600.000	-	35.225.748.578
Cộng	273.376.892.528	5.468.600.000	-	278.845.492.528
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	77.441.665.830	-	-	77.441.665.830
Chi phí phải trả	69.011.099	-	-	69.011.099
Phải trả khác	17.423.615.696	-	-	17.423.615.696
Các khoản vay	172.148.538.186	15.228.000.000	-	187.376.538.186
Cộng	267.082.830.811	15.228.000.000	-	282.310.830.811
Chênh lệch thanh khoản thuần	6.294.061.717	(9.759.400.000)	-	(3.465.338.283)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn tài chính D.N.P. Một số số liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 do việc áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán

	31/12/2015 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	31/12/2015 (Được trình bày lại)
TÀI SẢN NGẮN HẠN			
Phải thu ngắn hạn khác	32.959.641.827	2.210.730.915	35.170.372.742
Tài sản ngắn hạn khác	413.224.164	(413.224.164)	-
TÀI SẢN DÀI HẠN			
Phải thu dài hạn khác	-	468.600.000	468.600.000
Tài sản dài hạn khác	468.600.000	(468.600.000)	-
NỢ NGẮN HẠN			
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(101.022.923)	1.797.506.751	1.696.483.828

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TIẾN

Số 10, Đường Phan Trung, Phường Tân Tiến, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

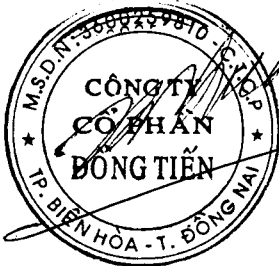
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm 2015 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm 2015 (Đã được trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	13.023	13.023

5. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

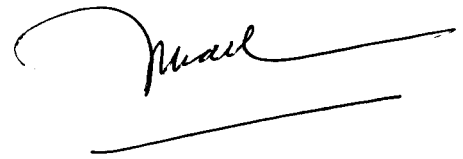
Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2017



VŨ NGỌC THUẬN
Tổng Giám đốc

HỒ THỊ CÚC
Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ NGỌC GIÀU
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo